

CÔNG TY CỔ PHẦN GRAY MASTER VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GRAY MASTER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GRAY MASTER VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GRAY MASTER VIET NAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110192449

3. Ngày thành lập: 25/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 23 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913213232

Fax:

Email: graymaster.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Lắp đặt Camera, internet + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống âm thanh + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy tự động. (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)	4329
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620

5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP) (Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép;	4662

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
19.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Ghi theo điểm a, khoản 2 Điều 75 Luật đầu tư năm 2000, Điều 10 luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Ghi theo Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Ghi theo Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Ghi theo Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Ghi theo Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6820

21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. (Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP) - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; (Điều 92 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)	7110
22.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
23.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719

26.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	In ấn	1811
31.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
32.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	2022(Chính)
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
37.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
38.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
39.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
40.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồng hồ kính mắt lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ xe đạp phụ tùng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ	4789
41.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
49.	Cơ sở lưu trú khác	5590
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
51.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
52.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
53.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 34 luật du lịch năm 2017)	7912
56.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
57.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
58.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
59.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
62.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
63.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
69.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
70.	Xây dựng công trình điện	4221
71.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
72.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
73.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
74.	Phá dỡ (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312

76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
84.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
85.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
86.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
87.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 6.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NÔNG THỊ HƯỜNG	Tổ dân phố 18, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.0 00	12.000.000.000	20,000	0041590045 32	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200.0 00	12.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN TRỌNG VĨNH	Thôn Lan Hùng, Xã Văn Quán, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.900.0 00	39.000.000.000	65,000	0260780008 99	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.900.0 00	39.000.000.000	65,000		

3	NGUYỄN NGỌC VÂN	Ninh Nội, Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	15,000	0220680001 74
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG VĨNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026078000899

Ngày cấp: 13/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lan Hùng, Xã Văn Quán, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lan Hùng, Xã Văn Quán, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội